

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công Ty
CP Nhựa
Việt Nam

Digitally signed by Công Ty CP
Nhựa Việt Nam
DN: CN=Công Ty CP Nhựa Việt
Nam, O=MST 0300381966,
L=12/19/2014 6:52:03 PM, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2017-06-10 10:03:39

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty: CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 08 – 39453301 – 39453302

Fax: 08 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Cao Minh Tâm

Địa chỉ: 243/103B1 Tôn Đản, Phường 15, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0913161881

Fax: 08 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☒ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Bộ tài liệu Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Nhựa Việt Nam.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 10 tháng 6 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin

(ký ghi rõ họ tên)



Cao Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
VINAPLAST

Ông (Bà): Ông (Bà):
(Hoặc) Thành viên HĐQT – Ông (Bà):
CMND / Hộ chiếu số: Cấp ngày: tại:
Đại diện cho tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề tại phiên họp Đại hội đồng thường niên năm 2017 ngày 21/6/2016.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi kết thúc Đại hội, được lập thành 02 bản, mỗi bản giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký tên, ghi rõ họ & tên)

Tên tổ chức ủy quyền:
 Địa chỉ:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy ĐKKD số do cấp ngày
 Số hùn số cổ phần:
 (Bằng chữ:)

Ông (Bà):
 Chức danh:
 Địa chỉ:
 Giấy CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Điện thoại: Fax:

Ông/Bà có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc nội dung của Giấy ủy quyền này cũng như quy chế làm việc tại Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại nội dung Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi kết thúc Đại hội, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Người đại diện theo ủy
quyền
(Ký tên ghi rõ họ & tên)

**TỔ CHỨC ỦY
QUYỀN**
(Người đại diện theo
Pháp luật của tổ chức
ủy quyền
ký tên, đóng dấu)



VINAPLAST

**THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 6 năm 2017

THƯ MỜI

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam;
Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ - NVN - HĐQT ngày 11-05-2017 của
HĐQT về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.*

Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam trân trọng kính mời:

Cổ đông:

MSCĐ:

Số cổ phần:

CP

Địa chỉ:

Đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Nhựa Việt Nam.

Thời gian: 08 giờ ngày 21 tháng 06 năm 2017 (Thứ tư).

Địa điểm: Hội trường (Lầu 3) Công ty CP Nhựa Việt Nam

300B Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh.

Rất mong Quý cổ đông sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để Đại hội đạt kết quả.

Trường hợp không tham dự được, đề nghị Quý cổ đông ủy quyền cho người đi dự thay theo mẫu tại trang 04.

Ghi chú: Để công tác tổ chức được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền xác nhận việc đăng ký tham dự Đại hội trước 16h00 ngày 16/06/2017 bằng điện thoại, thư, fax, email hoặc đăng ký trực tiếp tại Trụ sở công ty: 300B Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp.HCM.

Trân trọng.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

7:30 – 8:00: Cổ đông làm thủ tục đăng ký dự Đại hội.

8:00 – 9:30: Nội dung Đại hội.

- Báo cáo thường niên năm 2016, bao gồm:
 - + Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.
 - + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016.
 - + Báo cáo của Ban Kiểm soát 2016.
 - + Báo cáo của TGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2016.
- Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016. KHKD năm 2017, phân phối lợi nhuận 2017.

- Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2017.

- Ngân sách hoạt động & thù lao của HĐQT & BKS năm 2017

9:30 – 10:00: Đại hội thảo luận

10:00 – 10:15: Đại hội biểu quyết thông qua các Nội dung & Tờ trình của Đại hội.

Kiểm Phiếu biểu quyết

10:15 – 11:00: Nghỉ giải lao

11:00 – 11:15: Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết..

11:15 – 11:45: Tổng kết Đại hội

Quý cổ đông vui lòng nhận Tài liệu tại Đại hội.

Hoặc in từ Website: <http://www.vinaplast.com.vn>. Mục "Thông tin cổ đông"

Ghi chú:

- Quý cổ đông tham dự Đại hội, xin vui lòng mang theo **Thư mời, CMND hoặc Hộ chiếu**.
- Quý cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự hoặc HĐQT xin giới thiệu 05 thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Việt Nam dưới đây để Quý cổ đông có thể ủy quyền tham dự Đại hội:
 - Ông Lê Hoàng Chủ tịch HĐQT
 - Ông Phan Trung Nam Thành viên HĐQT
 - Bà Vũ Thị Minh Thục Thành viên HĐQT
 - Bà Trần Thị Ánh Thành viên HĐQT
 - Ông Đỗ Văn Hiếu Thành viên HĐQT
- Quý cổ đông vui lòng chuyển Thư mời có nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền để tham dự Đại hội.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2017



Dự thảo

QUY CHẾ LÀM VIỆC

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam 2014 số 68/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Luật Doanh nghiệp năm 2005 ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số: 15/QĐ-NVN- HĐQT ngày 11/05/2017 về việc triệu tập Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Hội đồng Quản trị.

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại đại hội; Chương trình đại hội; Bầu Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu, Ban thư ký đại hội.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của HĐQT năm 2016 và Phương hướng năm 2017; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016; phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016 và kế hoạch năm 2017; Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS năm 2016 và kế hoạch năm 2017 và các vấn đề khác theo Tờ trình của HĐQT.
- Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội.

Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tính pháp lý cổ đông tham dự đại hội để nhận Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Phiếu biểu quyết sẽ có đầy đủ các thông tin: họ tên, mã số cổ đông/người đại diện hợp pháp cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông. Trên mỗi Thẻ biểu quyết có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông và các nội dung chính cần biểu quyết của Đại hội.

2. Ban thư ký:

- Thư ký đại hội do Chủ tọa đại hội giới thiệu trước đại hội.
- Thư ký là bộ phận giúp việc của đại hội do Chủ tọa đoàn trực tiếp điều hành.
- Thư ký có nhiệm vụ ghi biên bản tổng hợp, đầy đủ, trung thực ý kiến của các cổ đông tại đại hội; soạn thảo nghị quyết và thông qua tại đại hội.

3. Ban kiểm phiếu và bầu cử:

Ban kiểm phiếu và bầu cử do Chủ tọa đoàn giới thiệu trình trước đại hội và được thông qua bằng biểu quyết. Ban kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:

- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và người được ủy quyền đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa đoàn kết quả biểu quyết từng vấn đề tại đại hội.

4. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại đại hội, sau khi nghe các báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình đại hội;
- Thời gian phát biểu không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

5. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội.

a Nguyên tắc:

- Cổ đông, đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
- Các nội dung trình đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự đại hội chấp thuận.
- Tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 biểu quyết bằng hình thức ghi nhận kết quả biểu quyết vào Thẻ biểu quyết đối với việc biểu quyết thông qua các tờ trình và giới Phiếu biểu quyết đối với việc biểu quyết các nội dung còn lại được thông qua tại đại hội.

b Cách thức biểu quyết:

Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

- Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách **đánh dấu vào ô tương ứng trong Thẻ biểu quyết**, sau đó chuyển lại Thẻ biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội bằng cách đánh dấu (x) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết. Ký tên và ghi rõ họ và tên vào vị trí "Chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền" ở phía cuối Thẻ biểu quyết.

Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác...khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không có ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

Biểu quyết thông qua các nội dung còn lại tại Đại hội:

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết *tán thành, không tán thành* hoặc *không có ý kiến* về một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội bằng cách *giơ cao Phiếu biểu quyết*.
- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền chỉ được thực hiện biểu quyết một lần cho mỗi nội dung cần được thông qua.
- Khi biểu quyết giơ Phiếu biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía chủ tọa điều khiển đại hội.

6. Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình đại hội

Chủ tọa đại hội được quyết định áp dụng các biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo và duy trì an ninh trật tự trong quá trình đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LÊ HOÀNG



/BC -NVN-TGD

----o0o----

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO**BÁO CÁO**
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Ban Điều hành Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch 2017 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam năm 2016
1. Tình hình hoạt động kinh doanh
1.1. Tình hình kinh doanh riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Kết quả kinh doanh cụ thể của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam như sau:

Nội dung	ĐVT	TH năm 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ TH2016 /TH2015 (%)	Tỷ lệ TH2016 /KH2016 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	296,9	300,0	189,3	63,8	63,1
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	28		18,9	67,5	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	28,7		15,9	55,4	
Trong đó CP lãi vay	Tỷ.đồng	18,7		13,5	72,2	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	2,8		4,0	142,9	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	9,0		(3,6)		
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(0,8)	2,0	2,2		110,0
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

- Doanh thu thực hiện giảm 36,2% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 63,1% so với nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 do:

+ Công ty gặp khó khăn về nguồn vốn kinh doanh, không đủ khả năng để đầu cơ nguyên liệu khi giá nguyên liệu xuống.

+ Do biến động giá nguyên liệu nhựa không theo quy luật thường niên trước đây nên để hạn chế hàng tồn kho, giảm thiểu việc ứ đọng vốn Công ty phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp.

+ Công ty chú trọng vào việc thu hồi công nợ dưới các hình thức khác nhau nên sản lượng kinh doanh giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng các khoản đầu tư tài sản dài hạn của Công ty là 151,13 tỷ, trong khi đó, vốn chủ sở hữu là 22,86 tỷ. Như vậy, nguồn vốn để phục vụ cho các khoản đầu tư dài hạn bị thiếu hụt nên công ty vẫn tiếp tục phải sử dụng nợ ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Nhiều khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả vẫn tiếp tục là gánh nặng của Công ty, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Theo quy định hiện hành, Công ty đã phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính của một số đơn vị theo chế độ do các đơn vị này có hoạt động kinh doanh lỗ. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty.

- Công ty đã sử dụng vốn để đầu tư dài hạn, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Trong năm, chi phí lãi vay giảm 27,62% do nhận tiền đợt 1 bán tài sản (Tòa nhà 39A Ngô Quyền) để trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp, giảm áp lực về lãi vay.

- Lãi suất vay ngắn hạn bình quân Công ty phải trả là 7,5%/năm trong khi cổ tức bình quân thu được từ các đơn vị tính trên vốn đầu tư khoảng 6,7%. Vì vậy, việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn từ trước đây là không hiệu quả do một số đơn vị kinh doanh không hiệu quả nên không chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tuy nhiên, có đơn vị liên doanh như Công ty Liên doanh Việt Thái, Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina là những đơn vị đầu tư có hiệu quả và phát triển vững chắc, các năm trở lại đây đều có chia cổ tức.

- Công ty cũng đã tiết giảm chi phí các loại, tính giảm bộ máy: giảm 6,4% chi phí quản lý so với năm 2015, giảm chi phí bán hàng....

- Nợ phải thu ngắn hạn là 68,89 tỷ, trong đó nợ phải thu khách hàng là 71,50 tỷ, khách hàng chiếm dụng vốn lớn nhất là Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (là công ty liên kết của Công ty) với dư nợ là 40,626 tỷ, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long dư nợ là 7,166 tỷ. Vì vậy, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và thuê dịch vụ đòi nợ một số khoản nợ khó đòi khác. Do đẩy mạnh thu hồi công nợ, Công ty đã hoàn nhập được một phần dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

1.2. Kết quả hoạt động của các công ty con

➤ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Doanh thu thực hiện 49,48 tỷ đồng, giảm 8,69% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2,13 tỷ đồng, tăng 33,54% so với năm trước

Năm 2016 thực sự là một năm rất khó khăn bởi việc giành giật thị trường rất khốc liệt. Đơn vị chủ trương đặt chỉ tiêu lợi nhuận lên trên hết, điều chỉnh giá bán cho khách hàng thanh toán ngay để nhanh chóng thu hồi vốn.

➤ Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam

Không phát sinh, do đang thực hiện quyết toán thuế.

➤ Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:

- Doanh thu thực hiện 0,1 tỷ đồng, giảm 98,7% so với năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế - 2,07 tỷ đồng, lỗ ít hơn so với năm trước 9,6%
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1
 - Doanh thu thực hiện 10,38 tỷ đồng, giảm 70,0% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: - 0,56 tỷ đồng, lỗ nhiều hơn 26,5% so với năm trước

Đối với hoạt động của các công ty thương mại do không có hiệu quả từ năm trước, Công ty đã có giải pháp cho ngừng kinh doanh, cắt giảm nhân sự và tập trung thu hồi công nợ. Vì vậy, các đơn vị này tỷ còn lỗ do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

1.3. Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của công ty.

- Công ty Cổ phần TNHH liên doanh Việt Thái Plastchem
 - Doanh thu thực hiện 347,8 tỷ đồng, giảm 7,6% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 21,7 tỷ đồng, giảm 52,2% với năm trước.
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC vina
 - Doanh thu thực hiện 3.580,2 tỷ đồng, tăng 9,75% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 231,7 tỷ đồng, tăng 352,5% so với năm trước
- Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina
 - Doanh thu thực hiện 454,9 tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế: 1,89 tỷ đồng (Năm trước lỗ 11,56 tỷ đồng)
- Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn
 - Doanh thu thực hiện 676,2 tỷ đồng, tăng 1% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 1,83 tỷ đồng, giảm 75,3% so với năm trước

2. Hoạt động đầu tư

Do tình hình vay vốn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn; chi phí đầu tư tăng đặc biệt là chi phí đầu tư xây dựng cơ bản; sức tiêu dùng trong nước thu hẹp đã tác động mạnh đến việc triển khai các dự án của Công ty. Vì vậy, trong năm, Công ty không triển khai dự án đầu tư mới. Chỉ có các dự án đã triển khai trước và đang thực hiện:

- Dự án sản xuất kết bia: Được đặt tại Cù Chi, hiện đang sản xuất ổn định khoảng 300.000 kết/năm, góp phần ghi nhận trong doanh thu sản xuất của công ty và giải quyết việc làm cho người lao động.
- Dự án khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc: Dự án được phê duyệt ban đầu với các sản phẩm khác xa so với sản phẩm thực tế. Áp lực trả nợ của Vinaplast đối với Ngân hàng Phát triển cho

khoản vay vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc để mua máy móc thiết bị là rất lớn và căng thẳng do không cân đối được nguồn thu từ việc khai thác thiết bị kém hiệu quả. Các đơn vị thuê máy của Nhựa Việt Nam khai thác với hiệu suất thấp, sản phẩm khó cạnh tranh do phải sản xuất sản phẩm với tỷ lệ nguyên liệu chính phẩm cao, máy móc thiết bị phải sửa chữa nhiều và tiêu hao rất nhiều điện năng. Đồng thời do ảnh hưởng của tỷ giá từ lúc ký nhận thiết bị là 2.050 đ/CNY đến nay 3.450 đ/CNY nên việc tiếp nhận thiết bị này thực sự là một gánh nặng đối với công ty và các Công ty thuê lại thiết bị. Thực tế nguồn thu từ việc cho thuê máy móc thiết bị ODA không đủ bù đắp chi phí khấu hao, lãi vay ODA và chênh lệch tỷ giá.

3. Hoạt động tài chính, thoái vốn:

- Việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon chưa thực hiện được do có đối tác quan tâm vào đúng thời điểm chuyển giao chủ sở hữu nên chưa nhận được quyết định của chủ sở hữu.

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn: là công ty chưa niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán. Đây là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, số vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại đơn vị cũng không đủ để chi phối, hay biểu quyết đa số tại các cuộc họp của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (phần vốn góp của Vinaplast là 16.760.800.000 đồng (tương ứng 20,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn)). Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn cũng là đơn vị có số nợ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam lớn nhất và khó đòi nhất hiện nay. Tính đến hết ngày 31/12/2016, tổng số nợ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn là 40,6 tỷ (chiếm 57,7% tổng số công nợ phải thu của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam). Hiện nay, Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn ra Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết số công nợ nói trên.
- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước: là Công ty con của Công ty cổ phần nhựa Việt Nam, Công ty CP Nhựa Việt Nam sở hữu 2.229.849 cổ phần, chiếm 99,52 %. Được thành lập từ năm 2008, bắt đầu có lãi và chia cổ từ năm 2012, với tỷ lệ chia cổ tức từ 5% - 6%, bằng với lãi tiết kiệm ngân hàng, thấp hơn mức lãi suất vay Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam phải trả. Do vốn hoạt động phần lớn là máy móc ODA và có hợp đồng thuê máy ODA với công ty mẹ nên lợi nhuận của đơn vị bị ảnh hưởng rất nhiều và không tìm được đối tác chuyển nhượng.
- Công ty Cổ phần Nhựa và Hóa chất TPC Vina: Đây là đơn vị liên doanh, Công ty CP Nhựa Việt Nam sở hữu 5.250.000 USD góp vốn chiếm tỷ lệ 15%. Hàng năm, Công ty này chia cổ tức thấp hơn lãi vay ngân hàng và không ổn định (năm có năm không). Năm 2016 là năm đánh dấu kết quả kinh doanh của TPC cao nhất từ trước đến nay (gấp 3,52 lần so với năm 2015). Tuy nhiên, việc thoái vốn chưa thực hiện được do chưa được sự đồng thuận của toàn bộ đối tác phía Việt Nam.

- Khoản đầu tư dài hạn khác vào dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên trị giá 21 tỷ (29%): Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã tìm được đối tác chuyển nhượng, ký kết Hợp đồng mua bán. Hiện nay đối tác mua đã hình thành pháp nhân mới để thực hiện việc chuyển nhượng nhưng chưa hoàn tất. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chưa hoàn tất việc thoái vốn dự án này.

4. Công tác nghiên cứu - đào tạo:

Tiếp tục thực hiện các đề tài đã được duyệt với mục tiêu đảm bảo chi lương một phần cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển ngành nhựa:

- Đề tài: “Nghiên cứu quy trình tái chế nhựa PET để sản xuất dây đai đóng kiện phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam ”
- Đề tài: “Nghiên cứu sản xuất tấm nhựa Polycarbonat chống lão hóa và chống tia cực tím trong điều kiện khí hậu Việt Nam ”

5. Công tác tổ chức, bộ máy

- Dừng hoạt động các công ty con mà Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nắm quyền chi phối nhưng có kết quả kinh doanh kém hiệu quả, cắt giảm nhân sự, tập trung thu hồi công nợ, phân công các cán bộ kiêm nhiệm thực hiện báo cáo theo quy định: Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số 1 và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An.

- Cắt giảm nhân sự, chuẩn bị cho việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.

- Sắp xếp lại các phòng ban, nhân sự, tinh giảm bộ máy.

- Trả lại nhà, đất thuê của Xí nghiệp Quản lý và Phát triển Nhà Hai Bà Trưng tại 18C Phạm Đình Hồ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và những năm tiếp theo

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017, Công ty dự kiến sẽ bàn giao nhà 39A Ngô Quyền cho đối tác và thu phần còn lại của giá trị chuyển nhượng. Kế hoạch tổng lợi nhuận năm 2017:

Khoản mục	ĐVT	Số tiền
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	272,36
Chi phí	Tỷ đồng	237,60
Lãi vay	Tỷ đồng	11,00
Tổng LNTT	Tỷ đồng	23,77
Thuế TNDN	Tỷ đồng	16,95
Tổng LNST	Tỷ đồng	6,81

Năm 2017, mặc dù thực hiện được việc chuyển nhượng Tòa nhà 39A Ngô Quyền nhưng lợi nhuận đạt được không cao do Công ty vẫn tiếp tục phải giải quyết

việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng từ những năm trước, nhất là gánh nặng từ khoản vay nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc. Cụ thể như sau:

- + Dự kiến trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ODA : 57,39 tỷ đồng
- + Dự kiến chênh lệch tỷ giá khoản vay ODA : 5,81 tỷ đồng
- + Khấu hao máy móc thiết bị ODA : 8,40 tỷ đồng
- + Chi phí lãi vay ODA : 4,18 tỷ đồng

Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng Tòa nhà 39 Ngô Quyền, công ty sử dụng để trả nợ vay, cụ thể như sau:

- + Trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp để giải chấp tài sản số tiền là 52,4 tỷ
- + Trả nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV số tiền là 35 tỷ
- + Còn lại khoảng 5 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Như vậy, lãi vay ngân hàng nếu giả định mức lãi suất như năm 2016 thì giảm từ 13,5 tỷ xuống còn 6,8 tỷ.

Đối với khoản đầu tư dài hạn 21 tỷ tại dự án 360 đường Giải Phóng: Nguồn vốn của khoản đầu tư này chủ yếu từ việc cân trừ công nợ với Công ty CP Nhựa Thăng Long. Hiện tại, Công ty CP Nhựa Thăng Long đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho đối tác và đang làm các thủ tục để chuyển nhượng. Do đó, việc thu tiền từ việc chuyển nhượng này hoàn toàn phụ thuộc vào đối tác nhận chuyển nhượng. Hiện nay, đối tác đã nộp vào ngân sách phần thuế gốc của dự án nhưng chưa nộp số tiền phạt, chậm nộp theo yêu cầu của cơ quan thuế. Vì vậy, việc chuyển nhượng chưa thể tiến hành các bước tiếp theo và Công ty cũng đang đợi các thông tin từ đối tác.

• **Ảnh hưởng của nguồn vốn vay ODA cho những năm tiếp theo**

Từ gánh nặng do đầu tư mua sắm máy móc thiết bị bằng nguồn vốn ODA Trung Quốc từ những năm trước nên Công ty vẫn tiếp tục lỗ do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, chênh lệch tỷ giá, việc đầu tư không có hiệu quả, các đơn vị thuê không có doanh thu từ việc thuê thiết bị mang lại nên không có khả năng để trả nợ.

Từ những năm tiếp theo, Công ty vẫn phải chịu hậu quả từ việc đầu tư này do phải xuất hóa đơn tiền cho thuê máy móc thiết bị ODA nhưng không thu được của các đơn vị thuê máy. Số tiền thuê máy móc thiết bị ODA đến hết năm 2020 như sau:

Năm	Xuất HĐ	
	CNY	VNĐ
Năm 2017	3.994.141	13.369.883.595
Năm 2018	3.916.731	13.127.450.790

Năm 2019	1.840.566	6.160.939.358
Năm 2020	1.834.988	6.150.763.396

Hầu hết các đơn vị đều đề xuất trả lại thiết bị:

- + Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang: đã thanh lý Hợp đồng, đã vận chuyển một phần nhỏ thiết bị di dời về nhà xưởng của Công ty. Dự kiến khi nhà xưởng hoàn tất sẽ di chuyển phần còn lại do HĐQT đã nhất trí việc di dời thiết bị.
- + Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (đề xuất trả lại phần khuôn mẫu) và Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (đề xuất trả lại hết). Các đơn vị này đã nhiều lần có văn bản đề nghị trả lại thiết bị và hiện đang không trả tiền thuê máy móc thiết bị này.
- + Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn: năng suất khai thác thiết bị thấp, nhiều thiết bị không hoạt động nên không có nguồn thu để trả nợ.
- + Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước: hiệu quả kinh doanh thấp do phải chi trả tiền thuê thiết bị ODA.

Vì vậy, dự kiến kế hoạch năm tiếp theo, Công ty vẫn bị lỗ một khoản do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi ODA dự kiến là 10,30 tỷ đồng (Chưa kể đến việc ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ODA trong trường hợp tỷ giá tăng).

2. Nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành kế hoạch

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện và sản xuất kết nhựa. Đẩy mạnh công tác dự báo, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, trong đó cân đối với nguồn vốn để thu được lợi nhuận cao nhất.

- Thực hiện một số dự án đầu tư mới sản phẩm có thể sản xuất, tiêu thụ trong nước để thay thế hàng nhập khẩu hoặc các sản phẩm kỹ thuật cao, tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa với suất đầu tư nhỏ, có hiệu quả trên cơ sở cân đối được các nguồn vốn, nhu cầu thị trường và tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có.

- Trình xin ý kiến Bộ Tài chính tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đối với những tồn tại trước đây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp như xin xử lý rủi ro đối với khoản nợ ODA của Chính phủ Trung Quốc do sử dụng không có hiệu quả khoản vay này; xử lý chênh lệch tỷ giá; giãn khấu hao ODA,...

+ Triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác thu đòi công nợ

+ Trình xin ý kiến các cấp có thẩm quyền thoái vốn tại một số đơn vị như Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina, Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn với mục tiêu:

- Giảm bớt tình trạng mất cân đối về tài chính
- Thu hồi vốn
- Giảm dư nợ
- Giảm chi phí lãi vay
- Giảm dự phòng đầu tư tài chính
- Để Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

* Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn là công ty chưa niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán. Đây là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, số vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại đơn vị cũng không đủ để chi phối, hay biểu quyết đa số tại các cuộc họp của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (phần vốn góp của Vinaplast là 16.760.800.000 đồng (tương ứng 20,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn)). Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn cũng là đơn vị có số nợ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam lớn nhất và khó đòi nhất hiện nay. Tính đến hết ngày 31/12/2016, tổng số nợ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn là 40,6 tỷ (chiếm 57,7% tổng số công nợ phải thu của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam). Hiện nay, Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn ra Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết số công nợ nói trên.

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã thực hiện đăng báo công khai để tìm kiếm các nhà đầu tư từ tháng 9/2015. Tuy nhiên, cho đến nay mới có 01 nhà đầu tư quan tâm và đề nghị mua lại ngay phần vốn góp này đúng bằng mệnh giá vốn góp.

Giá trị góp vốn 16.760.800.000 đồng

Giá đề nghị thoái vốn 16.760.800.000 đồng

Chênh lệch 0 đồng

- Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon Vina: Phía YoulChon Vina đã có đề nghị mua lại phần vốn tương ứng với số nợ mà Vinaplast nợ YoulChon Vina tại thời điểm 18/07/2016 là 35.142.565.899 đồng. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam hiện đang nợ Công ty Cổ phần Nhựa Youlchon Vina khoảng 35,8 tỷ (tính đến 31/12/2016)

Giá trị góp vốn 43.008.000.000 đồng

Giá đề nghị thoái vốn theo đề nghị của Youl Chon Vina

35.142.565.899 đồng

Chênh lệch - 7.865.434.101 đồng

Số tiền sau khi thoái vốn sẽ trừ vào công nợ mà Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đang nợ YoulChon Vina tại thời điểm 18/07/2016. Bên cạnh đó, việc thoái vốn tại YoulChon Vina cũng giúp Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam giảm lỗ lũy kế khoảng 38 tỷ - đây là khoản Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã trích dự phòng đầu tư đối với khoản đầu tư tại YCVN.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- SCIC

- Lưu VP, KHĐT



DỰ THẢO BÁO CÁO

**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (HĐQT) xin báo cáo hoạt động của Công ty năm 2016 như sau:

I. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2016

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

Năm 2016 là năm mà giá dầu bình quân trên thế giới tăng cao, tăng nhiều so với giá dầu năm 2015 và liên tục tăng đến cuối năm 2016.

Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam kinh doanh với mặt hàng kinh doanh chủ yếu là nguyên liệu nhựa, phải chịu ảnh hưởng lớn từ giá cả nhập khẩu nguyên liệu. Vì vậy, với việc tăng mạnh của giá dầu thô, cùng với sự bất ổn của nền kinh tế thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá nhập khẩu nguyên liệu. Giá nguyên liệu nhựa không ổn định và biến động bất thường so với những năm trước. Với lượng hàng tồn kho, để cạnh tranh và giữ vững thị phần cũng như giảm thiểu chi phí lãi vay, công ty phải thực hiện điều chỉnh giá hàng bán và chính điều đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả SXKD năm 2016 của Công ty như sau:

Nội dung	ĐVT	TH năm 2015	NQ ĐHCĐ năm 2016	TH 2016	Tỷ lệ TH2016 /TH2015 (%)	Tỷ lệ TH2016 /NQ (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	296,9	300,0	189,3	63,8	63,1
Lợi nhuận TT	Tỷ.đồng	(0,8)	2,0	2,2		110,0
Cổ tức	%	0	0	0		

Theo đó,

- Doanh thu thực hiện giảm 36,2% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 63,1% so với nghị quyết đề ra. Do khó khăn về nguồn vốn kinh doanh không đủ khả năng để tích trữ nguyên liệu, cùng ảnh hưởng của việc biến động giá nguyên liệu nhựa nên Công ty phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp, hạn chế hàng tồn kho. Vì vậy, Công ty chú trọng vào việc thu hồi công nợ dưới các hình thức khác nhau

nên sản lượng kinh doanh giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Đổi lại, với việc thu hồi được vốn, Công ty đã hoàn nhập được một phần dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

- Trong năm, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng tài sản là Tòa nhà 39A Ngô Quyền. Công ty đã sử dụng số tiền nhận được đợt 1 để trả nợ ngân hàng nhằm giảm bớt gánh nặng về chi phí lãi vay.

Vì vậy, tuy không đạt kế hoạch về doanh thu nhưng bước đầu công ty đã có lợi nhuận. Lợi nhuận đạt được tuy rất khiêm tốn nhưng cũng đã đánh dấu được việc ngăn chặn lỗ phát sinh và ghi nhận lợi nhuận dương trong 3 năm trở lại đây.

2. Hoạt động của HĐQT

2.1. Hoạt động của HĐQT

Với vai trò là cơ quan định hướng, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2016, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia, chứng kiến của Ban Kiểm soát.

HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc ổn định tổ chức bộ máy, ban hành các quy định, quy chế đáp ứng yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của công ty theo phân cấp và Điều lệ Công ty.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 28/06/2013	13/13	100%	
02	Ông Phan Trung Nam	TV HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 28/06/2013	13/13	100%	
03	Bà Vũ Thị Minh Thục	TV HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 28/06/2013	13/13	100%	
04	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	TV HĐQT độc lập	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 28/06/2013 Ngày không còn là TV HĐQT: 27/06/2016	06/06	100%	
05	Ông Đỗ Văn Hiếu	TV HĐQT độc lập	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 28/06/2013	13/13	100%	

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
06	Bà Trần Thị Oánh	TV HĐQT độc lập	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 27/06/2016	06/07	85,71%	Giải quyết việc gia đình

- Các thành viên HĐQT đã đóng góp ý kiến xác thực theo nội dung đặt ra, đồng thuận cao theo thẩm quyền về các quyết định và nỗ lực trong việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cũng như các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Công ty.

2.2. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT

Trong năm, HĐQT đã có 13 phiên họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, quyết định những nội dung tiêu biểu, quan trọng sau đây:

- Quyết định việc cấp, sử dụng, gia hạn hạn mức tín dụng.
- Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
- Phê duyệt kế hoạch và nội dung tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
- Thông qua phương án thoái vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Phê duyệt giá chuyển nhượng tài sản của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Quyết định cử, miễn nhiệm Người đại diện quản lý cổ phần của Vinaplast tại các công ty con, liên doanh, liên kết; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
- Quyết định phê duyệt quỹ lương năm 2016.
- Quy hoạch lại Công ty: Trả lại nhà, đất tại 18C Phạm Đình Hổ, phê duyệt chủ trương xây dựng nhà xưởng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Bình Dương, di dời thiết bị...

2.3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016

Năm 2016, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 307.200.000 đồng bằng 100 % tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 27/6/2016, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	220.800.000
2	Ban kiểm soát	86.400.000
	Tổng cộng	307.200.000

Chi tiết như sau:

- **Hội đồng Quản trị** : 220.800.000 đồng
 - Ông Lê Hoàng : 64.800.000 đồng
 - Ông Phan Trung Nam : 32.400.000 đồng

- Bà Vũ Thị Minh Thục : 45.600.000 đồng
- Ông Đỗ Văn Hiếu : 32.400.000 đồng
- Bà Trần Thị Oánh : 16.200.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương : 29.400.000 đồng
- **Ban Kiểm soát** : **86.400.000 đồng**
- Ông Cao Minh Tâm : 36.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Văn Thơm : 25.200.000 đồng
- Bà Lê Thị Kim Phượng : 25.200.000 đồng

• **3. Kết quả giám sát Ban điều hành**

Trong năm, Ban điều hành Công ty có sự thay đổi:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc
01	Ông Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT	05/07/2013	30/6/2016
02	Ông Phan Trung Nam	TV HĐQT	01/7/2016	

Theo Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 27/6/2016, Ông Lê Hoàng và Ông Phan Trung Nam đều là đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng có sự phân nhiệm rõ ràng, cụ thể.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Ban Tổng giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ huy, hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật và phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ Công ty và theo ủy quyền của HĐQT.

- Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc duy trì đều đặn chế độ giao ban định kỳ 02 lần/tháng với đội ngũ cán bộ quản lý để đánh giá, đôn đốc, tiến độ thực hiện nghị quyết HĐQT. Ban Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung triển khai các giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho đơn vị theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo gắn thu nhập của người lao động với kết quả kinh doanh của công ty, bước đầu cải cách được việc làm và tiền lương, đảm bảo đời sống người lao động, nâng cao ý thức, kỷ luật lao động.

Tuy nhiên, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa triển khai được nên chưa có sản phẩm mới trong năm 2016.

- Ban Tổng Giám đốc cần đẩy mạnh công tác thoái vốn, thu hồi công nợ và tìm kiếm nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2017

Qua việc nhìn nhận tình hình kinh tế đất nước, những hệ quả của việc đầu tư từ những năm trước và căn cứ tình hình thực tế, HĐQT thống nhất đề xuất chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2017 với các chỉ tiêu cơ bản:

Khoản mục	ĐVT	Số tiền
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	272,36
Tổng LNTT	Tỷ đồng	23,77
Tổng LNST	Tỷ đồng	6,81

Để phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, bất cập trong thời gian qua, HĐQT Công ty đề ra mục tiêu và các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

+ Duy trì đều đặn các cuộc họp HĐQT để phân tích, đánh giá nhằm thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của HĐQT trong việc định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, đặc biệt là đẩy mạnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

+ Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty; hàng quý tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

+ Phối hợp với Ban kiểm soát tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo an toàn về tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định và tiến tới đảm bảo hiệu quả đồng vốn của các cổ đông.

+ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

+ Quyết liệt trong việc giải quyết những vấn đề tài chính tồn đọng.

+ Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ và thoái vốn tại một số đơn vị như Công ty CP Nhựa Yout Chon Vina, Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn nhằm giảm bớt tình trạng mất cân đối về tài chính, thu hồi vốn, giảm dư nợ, giảm chi phí lãi vay, giảm dự phòng đầu tư tài chính, để Công ty có vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2016 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2017.

HĐQT xin báo cáo ĐHĐCĐ xem xét và đóng góp ý kiến để HĐQT không ngừng nâng cao trách nhiệm quản trị, đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Lê Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



TP.HCM, ngày tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016
Về tình hình hoạt động năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Kính gửi: Đại hội Cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông năm 2016

Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được qui định trong điều lệ của Công ty CP Nhựa Việt Nam

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2016 của Ban điều hành Công ty CP Nhựa Việt Nam

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty TNHH Kiểm Toán Vaco

Căn cứ vào các báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016 và kết quả kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Nhựa Việt Nam năm 2016

Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nhựa Việt Nam năm 2016 trước đại hội như sau:

I. Về tình hình tài chính của Công ty đến ngày 31/12/2016 thể hiện qua các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	31/12/16	01/01/16	Biến động	
			Số tuyệt đối	Số tương đối %
1	2	3	4 = 2 - 3	5 = 4/3
A. Tài sản ngắn hạn	154.044	168.030	-13.986	-8%
I. Tiền	9.614	7.199	2.415	34%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150	37.500	3.650	10%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	68.890	85.018	-16.128	-19%
IV. Hàng tồn kho	28.937	32.538	-3.601	-11%
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.453	5.775	-322	-6%
B. Tài sản dài hạn	227.502	238.919	-11.417	-5%
I. Các khoản phải thu dài hạn	21.251	21.251		
II. Tài sản cố định	54.925	65.127	-10.202	-16%
III. Tài sản dở dang dài hạn	173	173		
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	151.131	152.056	-925	-1%
V. Tài sản dài hạn khác	22	312	-290	- 93%
Tổng cộng tài sản	381.546	406.949	-25.403	- 6%
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả	358.684	385.840	-27.156	-7%
I. Nợ ngắn hạn	300.687	306.786	-6.099	-2%
II. Nợ dài hạn	57.997	79.054	-21.057	-27%
B. Vốn chủ sở hữu	22.862	21.109	1.753	8%
I. Vốn chủ sở hữu	22.860	20.630	2.230	11%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.289	194.289	0	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-171.423	-173.658	2.235	-1%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	2	478	-476	-100%
Tổng cộng nguồn vốn	381.546	406.949	-25.403	- 6%

Nhận xét tình hình:

1. Tổng tài sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm trước là 25,403 tỷ đồng chiếm khoảng 6%, trong đó gồm các khoản tăng, giảm như sau:

- Khoản đầu tư ngắn hạn tăng 3,65 tỷ đồng so với đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN Sài Gòn để thế chấp cho việc cấp hạn mức tín dụng với Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN Sài Gòn .

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 16,128 tỷ đồng so với đầu năm tương ứng giảm 19%. Trong đó gồm:

- + Giảm khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng 18 tỷ do đã tích cực thu hồi công nợ tiết giảm chi phí lãi vay ngân hàng.

- + Giảm các khoản phải thu khác lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết là 12,1 tỷ đồng

- + Giảm các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 13,9 tỷ đồng

- Hàng tồn kho giảm 3,6 tỷ đồng tương ứng giảm 11%

- Giá trị tài sản cố định giảm 10,2 tỷ đồng tương ứng giảm 16% là số dư trong năm công đã trích khấu hao tài sản cố định.

2. Tổng nguồn vốn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm trước là 25,403 tỷ đồng chiếm khoảng 6%, trong đó bao gồm các khoản tăng, giảm như sau:

- Nợ ngắn hạn giảm 6 tỷ đồng tương ứng giảm 2% so với đầu kỳ. Trong đó gồm các khoản tăng giảm như sau:

- + Do trong năm công ty đang chiếm dụng vốn của nhà cung cấp là 11,8 tỷ đồng tương ứng tăng 16,6%

- + Người mua trả tiền trước tăng 56,2 tỷ đồng trong đó có khoản tăng 57,3 tỷ đồng tương ứng là số tiền Công ty TNHH Tài Tâm trả trước cho việc chuyển nhượng nhà 39A Ngô Quyền.

- + Chi phí trả trước ngắn hạn tăng 3,4 tỷ đồng tương ứng tăng 23% là khoản trích trước chi phí lãi tiền vay khoản vay máy móc thiết bị ODA tại ngân hàng Phát triển SGD II.

- + Khoản vay ngắn hạn giảm 77,5 tỷ đồng tương ứng giảm 41,4% chủ yếu là giảm tối đa các khoản vay nhằm tiết giảm chi phí tài chính cho công ty.

- Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 21 tỷ đồng tương ứng giảm 26,64% là toàn bộ số dư nợ vay dài hạn máy móc thiết bị ODA phải trả trong năm 2017.

2. Kết quả giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	Thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu	189.352	300.000	63,12%
Lợi nhuận trước thuế	2.229	2.000	111,45%

Doanh thu năm 2016 so với kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty chỉ thực hiện đạt 63,12% và lợi nhuận trước thuế đạt 111,45%.

Sự giảm sút mạnh về doanh thu năm 2016 chỉ đạt 63,12% nguyên nhân chủ yếu là do không còn là đại lý độc quyền kinh doanh màng BOPP với Công ty cổ phần Nhựa Youlchon Vina có bên cạnh sự biến động mạnh về giá nguyên liệu nhập khẩu, sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường... Để việc thực hiện doanh thu có thể sát với kế hoạch đề ra, Ban kiểm soát đề nghị Công ty lưu ý khi xây dựng kế hoạch để tránh tình trạng không đạt được chỉ tiêu doanh thu đã đề ra tại Đại hội Cổ đông thường niên.

II. Về tổ chức thực hiện công tác kế toán:

- Việc ghi chép, mở sổ, hạch toán nghiệp vụ kế toán theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng qui định nhà nước, phản ánh chính xác và toàn diện hoạt động tài chính của Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2016 của công ty đã phản ánh chính xác, trung thực, hợp lý tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo đúng qui định.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.
- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành công ty.
- Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.
- Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh năm 2017.
- Được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm soát trong năm.
- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm là: 86.400.000 đồng
- Trong đó: Ông Cao Minh Tâm – trưởng ban: 36.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Văn Thơm – thành viên: 25.200.000 đồng
- Bà Lê Thị Kim Phụng – thành viên: 25.200.000 đồng

IV . Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016:

- Năm 2016 vẫn được đánh giá là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp, tuy nhiên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành đã năng động, linh hoạt bám sát thực tế để có những giải pháp phù hợp, nỗ lực tối đa nhằm giảm thiểu những rủi ro cho Công ty.
- Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ thường xuyên nhằm đưa ra các quyết định chỉ đạo kinh doanh kịp thời, luôn chủ động kế hoạch quản lý, điều hành kinh doanh, triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển kế hoạch kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
- Do có sự chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn nhà nước từ Bộ Công Thương sang Tổng Công ty Đầu tư & Kinh Doanh Nhà nước – Công ty TNHH nên nên đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc thoái vốn tại Công ty Liên Doanh TPC Vina và Công ty CP Nhựa Youlchon Vina để thu hồi vốn đầu tư cũng như tái cấu trúc lại nguồn vốn cho Công ty. Đề nghị Công ty nên chủ động về mọi mặt để

nhANH chóng thực hiện việc thoái vốn tại hai công ty trên để sớm hoàn thành việc tái cấu trúc vốn cho công ty.

V. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát 2017:

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, theo điều lệ của công ty trong năm 2017 Ban Kiểm soát sẽ tập trung giám sát các nội dung như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp với Hội Đồng Quản trị nhằm giám sát và góp ý việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- Giám sát chặt chẽ với Hội Đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính 6 tháng và năm của Công ty.
- Kết hợp với Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, chuẩn hóa các quy định. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định của ban Tổng giám đốc. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Cổ đông thường niên đề ra.
- Thực hiện công tác kiểm tra các quy trình hoạt động và quản lý rủi ro nhằm đánh giá công tác điều hành cũng như việc tuân thủ các quy định, quy trình quản lý của Công ty và Pháp luật.

VI. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

- Với tình hình tài chính thực tế của công ty đang trong giai đoạn tái cấu trúc vốn cực kỳ khó khăn cũng như phải chịu áp lực với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường kinh doanh trong nước nhưng năm 2016 ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực và chủ động thực hiện tiết giảm tối đa chi phí để ngăn chặn việc lỗ như các năm trước đây và đã hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đã đề ra. Để việc hoạt động kinh doanh trong những năm tới có hiệu quả - nhất là đang trong giai đoạn tái cấu trúc vốn - đề nghị công ty cần có những cân đối thật kỹ càng về năng lực tài chính hiện tại cũng như có những phương hướng và định hướng kinh doanh thật chặt chẽ để nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong các năm tiếp theo.

- Cần có kế hoạch thu hồi công nợ. Tích cực tăng cường đôn đốc để thu hồi công nợ một cách triệt để nhất là các đơn vị đã nợ quá lâu để bổ sung cho nguồn vốn lưu động hiện đang thiếu cũng như giảm áp lực về vốn và giảm chi phí lãi vay hiện thời tại công ty.

- Ban lãnh đạo Công ty nên xem xét và lựa chọn phương án sử dụng đồng vốn thu hồi được một cách hợp lý, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của Công ty để đem lại hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh .

- Nên có kế hoạch cụ thể và lộ trình định hướng lâu dài về kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo của dựa trên thực lực tài chính hiện có của Công ty thật phù hợp để nhằm từng bước mang lại hiệu quả.

- Trên đây là báo cáo quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2017.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM.BAN KIỂM SÓAT

Cao Minh Tâm



Số TT-NVN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2017

DỰ THẢO
TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các vấn đề thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các vấn đề sau:

1. Vấn đề 1: Thông qua báo cáo thường niên năm 2016, bao gồm:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016;
2. Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2016;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016;
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016;

Với một số chỉ tiêu chính của Báo cáo thường niên năm 2016 như sau:

- Doanh thu của Công ty mẹ : 189,3 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 2,2 tỷ đồng.
- Cổ tức : 0 %.

2. Vấn đề 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2016:

- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 2,2 tỷ đồng.
- Chia cổ tức 0 % : 0
- Phân phối Quỹ : 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 2,2 tỷ đồng.

3. Vấn đề 3: Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017:

- Doanh thu thuần Công ty mẹ : 272,36 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 23,77 tỷ đồng.
- Thuế TNDN 22% : 16,95 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ : 6,81 tỷ đồng.
- Chia cổ tức 0 % : 0
- Phân phối Quỹ : 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 6,81 tỷ đồng.

4.Vấn đề 4: Thông qua ngân sách hoạt động & thù lao của HĐQT và BKS năm 2017

Ngân sách hoạt động và thù lao của HĐQT năm 2017

- Thù lao của HĐQT:		220.800.000 đồng.
+ Chủ tịch:	5.400.000 đồng/tháng.	
+ Các thành viên khác:	2.700.000 đồng/tháng.	
+ Thư ký:	2.200.000 đồng/tháng.	
- Chi phí hoạt động của HĐQT:		50.000.000 đồng.

Ngân sách hoạt động và thù lao của BKS năm 2017

- Thù lao của BKS:		86.400.000 đồng.
+ Trưởng ban:	3.000.000 đồng/tháng.	
+ Các thành viên khác:	2.100.000 đồng/tháng.	
- Chi phí hoạt động của BKS:		10.000.000 đồng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2017

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các vấn đề thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty CP Nhựa Việt Nam.

Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Nam kính trình Hội đồng quản trị xem xét và thông qua vấn đề sau:

Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017 theo danh sách sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO);
- Công ty Hợp Danh Kiểm Toán Việt Nam (CPA VIETNAM);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Giá Việt Nam (AVA).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Cao Minh Tâm

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: /NQ-NVN-DHĐCDTN

---03*80---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2017

**(Dự thảo) NGHỊ QUYẾT****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam;
- Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã được Đại hội thông qua.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam được tổ chức vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 21 tháng 06 năm 2017 tại Hội trường Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam, 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, với cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện sở hữu cho cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đã nhất trí như sau:

QUYẾT NGHỊ**Điều 1. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2016**

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo thường niên năm 2016, bao gồm:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016;
2. Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2016;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016;
4. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.

Tỷ lệ biểu quyết:% tán thành,% không tán thành, và% không có ý kiến.

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2016

Đại hội đã biểu quyết thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-------------|
| - Lợi nhuận trước thuế : | 2,2 tỷ đồng |
| - Thuế TNDN 22%: | 0 |
| - Chia cổ tức 0 %: | 0 |
| - Phân phối Quỹ: | 0 |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: | 2,2 tỷ đồng |

Tỷ lệ biểu quyết:% tán thành,% không tán thành, và% không có ý kiến.

Điều 3. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.

Đại hội đã biểu quyết thông qua kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Doanh thu thuần Công ty mẹ	: 272,36 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	: 23,77 tỷ đồng.
- Thuế TNDN 22%	: 16,95 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	: 6,81 tỷ đồng.
- Chia cổ tức 0 %	: 0
- Phân phối Quỹ	: 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	: 6,81 tỷ đồng.

Tỷ lệ biểu quyết:% tán thành,% không tán thành, và% không có ý kiến

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Đại hội đã biểu quyết thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017 theo danh sách sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO);
- Công ty Hợp Danh Kiểm Toán Việt Nam (CPA VIETNAM);
- Công ty TNHH Kiểm Toán và Thẩm Định Giá Việt Nam (AVA).

Tỷ lệ biểu quyết:% tán thành,% không tán thành, và% không có ý kiến.

Điều 5. Thông qua ngân sách hoạt động & thù lao của HĐQT và BKS năm 2017.

Đại hội đã biểu quyết thông qua ngân sách hoạt động & thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2017 như sau:

Ngân sách hoạt động và thù lao của HĐQT năm 2017

- Thù lao của HĐQT:	220.800.000 đồng.
+ Chủ tịch	5.400.000 đồng/tháng.
+ Các thành viên khác	2.700.000 đồng/tháng.
+ Thư ký	2.200.000 đồng/tháng.
- Chi phí hoạt động của HĐQT:	50.000.000 đồng.

Ngân sách hoạt động và thù lao của BKS năm 2017

- Thù lao của BKS:	86.400.000 đồng.
--------------------	------------------

- + Trưởng ban 3.000.000 đồng/tháng.
- + Các thành viên khác 2.100.000 đồng/tháng.
- Chi phí hoạt động của BKS: 10.000.000 đồng.

Tỷ lệ biểu quyết:% tán thành,% không tán thành, và% không có ý kiến.

Điều 6. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được lập lúc giờ phút ngày 21 tháng 06 năm 2017, Nghị quyết được đọc và biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 nhất trí giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam có trách nhiệm tổ chức, điều hành Công ty thực hiện thành công các nội dung của Nghị quyết này.

TM. ĐHĐCĐ

Chủ tọa

Lê Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Bà Vũ Thị Minh Thục
Ông Phan Trung Nam
Ông Đỗ Văn Hiếu
Bà Trần Thị Oánh

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Tổng Giám đốc

Ông Phan Trung Nam
Ông Lê Hoàng

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2016)

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Lê Hoàng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 165 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản Nợ phải thu, tuy nhiên Công ty chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu Nợ phải thu của một số đối tượng với giá trị khoảng 47,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận thay thế, tuy nhiên chúng tôi chưa nhận được thư phản hồi; các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư này trên Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Phương

Kiểm toán viên

Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.043.668.399	168.030.207.195
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.614.325.043	7.199.549.380
1. Tiền	111	6	9.614.325.043	7.199.549.380
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	41.150.000.000	37.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.150.000.000	37.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.889.981.560	85.017.753.214
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	71.504.831.641	89.537.526.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.613.646.785	943.923.545
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.283.472.319	1.008.800.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.645.916.368	16.682.038.828
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(9.212.488.303)	(23.154.535.900)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.602.750	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	28.936.761.892	32.537.861.760
1. Hàng tồn kho	141		29.080.080.233	33.956.377.763
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143.318.341)	(1.418.516.003)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.452.599.904	5.775.042.841
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	5.405.363.972	5.716.588.031
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	47.235.932	58.454.810
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		227.502.413.440	238.919.257.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.251.475.750	21.251.475.750
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		251.475.750	251.475.750
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	21.000.000.000	21.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		54.925.064.684	65.126.978.302
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	47.940.568.437	57.924.385.367
- Nguyên giá	222		141.981.892.030	141.981.892.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.041.323.593)	(84.057.506.663)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.984.496.247	7.202.592.935
- Nguyên giá	228		11.560.690.711	11.560.690.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.576.194.464)	(4.358.097.776)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	173.023.577	173.023.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		173.023.577	173.023.577
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	151.130.577.082	152.055.563.830
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.417.875.500	33.417.875.500
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		164.954.480.594	164.954.480.594
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47.241.779.012)	(46.316.792.264)
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.272.347	312.216.133
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	22.272.347	312.216.133
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		381.546.081.839	406.949.464.787

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		358.684.124.220	385.839.545.895
I. Nợ ngắn hạn	310		300.687.105.235	306.786.017.719
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	82.402.075.904	70.665.875.921
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	58.250.100.877	2.047.650.348
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.074.193.204	10.100.166.119
4. Phải trả người lao động	314		656.966.719	629.673.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.103.173.082	14.718.045.308
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		91.968.115	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	21.715.301.068	21.773.476.643
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	109.393.326.266	186.851.130.054
II. Nợ dài hạn	330		57.997.018.985	79.053.528.176
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	57.997.018.985	79.053.528.176
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.861.957.619	21.109.918.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	22.860.328.720	20.630.930.092
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(171.428.801.280)	(173.658.199.908)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(173.658.199.908)	(173.233.064.363)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.229.398.628	(425.135.545)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.628.899	478.988.800
1. Nguồn kinh phí	431		1.628.899	478.988.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		381.546.081.839	406.949.464.787



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		189.352.485.489	297.448.704.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	575.305.382
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	189.352.485.489	296.873.399.014
4. Giá vốn hàng bán	11	26	188.574.599.269	285.351.323.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		777.886.220	11.522.075.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	18.933.788.514	24.861.564.950
7. Chi phí tài chính	22	29	15.888.251.416	26.328.483.161
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.526.401.222	18.688.072.632
8. Chi phí bán hàng	25	30	4.070.122.862	2.842.632.395
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	(3.650.442.348)	8.192.570.200
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		3.403.742.804	(980.045.037)
11. Thu nhập khác	31		13.453.495	217.962.708
12. Chi phí khác	32		1.187.797.671	16.543.853
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.174.344.176)	201.418.855
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.229.398.628	(778.626.182)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.229.398.628	(778.626.182)



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	274.155.889.378	311.588.017.265
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(165.158.842.563)	(301.612.268.002)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.844.221.672)	(6.949.044.944)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(9.511.207.189)	(14.311.923.412)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.064.264.813	7.353.052.807
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(18.587.621.511)	(25.369.842.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	76.118.261.256	(29.302.008.716)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	256.500.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.824.672.319)	(17.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.098.524.250
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	37.081.778.824
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.628.207.152	14.988.579.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.803.534.833	55.825.382.855
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	123.808.361.430	220.162.503.179
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(218.306.055.464)	(247.915.507.330)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.275.000)	(89.285.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(94.514.969.034)	(27.842.289.151)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	2.406.827.055	(1.318.915.012)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.199.549.380	8.526.248.024
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.948.608	(7.783.632)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9.614.325.043	7.199.549.380



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được Cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 09/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 50 người (tại ngày 31/12/2015 là 57 người).

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ plastic.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa số 1

Các công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Số Một
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Trường An
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
- Công ty Cổ phần Nhựa Yout Chon Vina
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA
- Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Các cổ đông lớn, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Lãnh đạo đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 37
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực tế của các cổ đông. Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	299.752.568	1.864.429.992
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.314.572.475	5.335.119.388
Cộng	9.614.325.043	7.199.549.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Giá trị hợp lý VND	Số đầu năm		Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn						
<i>Ngắn hạn</i>						
Tiền gửi có kỳ hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000	37.500.000.000	-	37.500.000.000
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	33.417.875.500	(9.189.378.417)	24.228.497.083	33.417.875.500	(7.698.089.562)	25.719.785.938
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	22.298.490.000	-	22.298.490.000	22.298.490.000	-	22.298.490.000
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	5.000.000.000	(4.073.218.960)	926.781.040
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa số Một	5.000.000.000	(4.057.387.826)	942.612.174	5.000.000.000	(3.492.880.011)	1.507.119.989
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ nhựa Việt Nam	1.119.385.500	(131.990.591)	987.394.909	1.119.385.500	(131.990.591)	987.394.909
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	164.954.480.594	(38.052.400.595)	126.902.079.999	164.954.480.594	(38.618.702.702)	126.335.777.892
Công ty CP Yout Chon Vina	43.008.000.000	(38.052.400.595)	4.955.599.405	43.008.000.000	(38.618.702.702)	4.389.297.298
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	16.961.554.628	-	16.961.554.628	16.961.554.628	-	16.961.554.628
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.279.075.966	-	15.279.075.966	15.279.075.966	-	15.279.075.966
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	89.705.850.000	-	89.705.850.000	89.705.850.000	-	89.705.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

c) Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Tỉnh Bình Dương	99,52%	99,52%	Sản xuất sản phẩm nhựa Plastic
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại

d) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Youl Chon Vina	TP. Hồ Chí Minh	4.300.800	30,00%	33,33%	Sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	TP. Hồ Chí Minh	1.676.080	20,69%	20,69%	Sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Tỉnh Bình Dương	-	27,51%	50,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	TP. Hồ Chí Minh	-	15,00%	50,00%	Kinh doanh thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	26.845.620.467	44.842.357.223
Công ty CP Nhựa Thăng Long	7.166.735.782	5.983.720.290
Công ty TNHH In và Sản xuất Bao Bì Đức Mỹ	3.123.862.465	3.128.875.000
Công ty TNHH MTV TMDV Hai mươi Sáu tháng Tư	-	14.056.506.901
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Công ty TNHH SX TM và DV Bao Bì Tăng Phú Tân	2.836.301.752	1.106.663.088
Các đối tượng khác	11.048.750.050	17.896.621.526
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	44.659.211.174	44.695.169.518
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	40.626.613.779	38.591.022.126
Công ty CP Nhựa Việt Phước	1.075.271.023	1.075.271.023
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	1.973.647.524	1.973.647.524
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Số 1	158.678.848	708.678.848
Công ty CP Yout Chon Vina	-	542.789.997
Công ty TNHH LD Việt Thái Plastchem	825.000.000	1.803.760.000
Cộng	71.504.831.641	89.537.526.741

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.645.916.368	-	16.682.038.828	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	125.909.685	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	499.932.000	-	12.637.754.812	-
Phải thu Tạm ứng của nhân viên	625.259.028	-	1.552.327.461	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	6.400.904	-	-	-
Phải thu khác	2.514.324.436	-	2.366.046.870	-
Công Ty TNHH Một thành viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	-	-	100.000.000	-
Các khoản phải thu khác	2.514.324.436	-	2.266.046.870	-
b) Dài hạn	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Phải thu khác	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nhựa Thăng Long	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	24.645.916.368	-	37.682.038.828	-

Phải thu dài hạn khác phản ánh giá trị chuyển nhượng quyền góp vốn cho Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên" tại số 360 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với số tiền 21.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
		có thể thu hồi		có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	7.248.859.337	3.986.565.878	38.591.022.126	21.223.544.513
Công ty TNHH Hợp Phát	2.669.970.418	-	2.669.970.418	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Nhựa Trường An	1.973.647.524	986.823.762	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	1.009.979.714	343.799.170	666.180.544	-
DNTN Sản Xuất TM DV Hà Siêu	174.745.000	-	174.745.000	-
DNTN Nguyễn Tuấn Tài	1.000.000	-	1.000.000	-
Đối tượng khác	1.451.475.120	-	3.108.506.598	833.344.273
Cộng	14.529.677.113	5.317.188.810	45.211.424.686	22.056.888.786

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.662.327.800	-	2.287.726.019	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.975.127.171	-	1.778.465.359	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.203.295	-	5.140.000	-
Thành phẩm	676.300.824	-	1.020.674.283	(300.019.283)
Hàng hóa	23.547.121.143	(143.318.341)	28.864.372.102	(1.118.496.720)
Cộng	29.080.080.233	(143.318.341)	33.956.377.763	(1.418.516.003)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm là do trong kỳ Công ty đã tiêu thụ được số thành phẩm và hàng hóa đã trích lập dự phòng tại 31/12/2015 nên điều chỉnh giảm giá trị dự phòng đã trích lập tương ứng.

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>173.023.577</i>	<i>173.023.577</i>	<i>173.023.577</i>	<i>173.023.577</i>
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	173.023.577	173.023.577	173.023.577	173.023.577
<u>Trong đó:</u>				
Dự án đầu tư	173.023.577	173.023.577	173.023.577	173.023.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	36.571.045.477	102.302.078.279	2.008.526.029	1.100.242.245	141.981.892.030
Số cuối năm	36.571.045.477	102.302.078.279	2.008.526.029	1.100.242.245	141.981.892.030
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	9.776.799.124	71.406.411.095	1.924.723.676	949.572.768	84.057.506.663
Khấu hao trong năm	1.422.153.300	8.401.470.960	83.802.353	76.390.317	9.983.816.930
Số cuối năm	11.198.952.424	79.807.882.055	2.008.526.029	1.025.963.085	94.041.323.593
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.794.246.353	30.895.667.184	83.802.353	150.669.477	57.924.385.367
Số cuối năm	25.372.093.053	22.494.196.224	-	74.279.160	47.940.568.437

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 47.126.419.521 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 56.861.436.885 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.123.700.488 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 5.569.164.124 đồng)

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.218.360.591	342.330.120	11.560.690.711
Số cuối năm	11.218.360.591	342.330.120	11.560.690.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	4.172.128.592	185.969.184	4.358.097.776
Khấu hao trong năm	190.475.568	27.621.120	218.096.688
Số cuối năm	4.362.604.160	213.590.304	4.576.194.464
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.046.231.999	156.360.936	7.202.592.935
Số cuối năm	6.855.756.431	128.739.816	6.984.496.247

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.855.756.431 đồng (Tại ngày 31/12/2015 là 7.046.231.999 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký với ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.679.590.120 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 2.646.960.000 đồng)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	22.272.347	312.216.133
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	20.603.472	201.581.321
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.668.875	110.634.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	82.402.075.904	82.402.075.904	70.665.875.921	70.665.875.921
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Branch Mitsubishi Corporation Singapore	27.012.018.425	27.012.018.425	2.878.583.400	2.878.583.400
Intraco Trading PTE., Ltd	6.709.404.488	6.709.404.488	5.835.267.900	5.835.267.900
Vinomig Singapore PTE.,Ltd	4.168.347.975	4.168.347.975	-	-
Asia Focus IND.,Ltd	2.346.458.400	2.346.458.400	-	-
Victory International Venture PTE.,Ltd	2.583.360.450	2.583.360.450	-	-
Công ty TNHH Hưng Nghiệp FORMOSA	1.787.393.378	1.787.393.378	2.132.534.868	2.132.534.868
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	-	-	9.084.627.707	9.084.627.707
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	-	-	2.273.945.000	2.273.945.000
Các đối tượng khác	1.947.129.972	1.947.129.972	13.318.351.147	13.318.351.147
Trong đó				
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	35.901.761.073	35.901.761.073	35.196.364.156	35.196.364.156
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Đối tượng khác	53.798.257	53.798.257	53.798.257	53.798.257
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	35.847.962.816	35.847.962.816	45.230.678.606	45.230.678.606
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	-	-	9.084.627.707	9.084.627.707
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	-	-	1.003.485.000	1.003.485.000

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	58.250.100.877	2.047.650.348
Công ty TNHH Tài Tâm	57.369.659.457	68.446.485
Trần Thị Thanh Huyền	420.000.000	300.000.000
Hộ Kinh doanh Thái Thành	255.000.000	255.000.000
Các đối tượng khác	205.441.420	1.424.203.863
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	58.250.100.877	2.047.650.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	258.622.445	258.622.445	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.991	-	-	1.340.991
Thuế thu nhập cá nhân	109.408.919	189.740.886	213.213.801	85.936.004
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	892.504.710	892.504.710	-
Các loại thuế khác	2.500.000	6.500.000	9.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	9.986.916.209	-	-	9.986.916.209
Cộng	10.100.166.119	1.347.368.041	1.373.340.956	10.074.193.204
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	5.716.588.031	311.224.059	-	5.405.363.972
Thuế xuất, nhập khẩu	11.218.878	-	11.218.878	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.235.932	-	-	47.235.932
Cộng	5.775.042.841	311.224.059	11.218.878	5.452.599.904

Ghi chú: (i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13/7/1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nhận nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	18.103.173.082	14.718.045.308
Trích trước chi phí lãi tiền vay	17.960.347.582	14.718.045.308
Chi phí trích trước khác	142.825.500	-

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.715.301.068	21.773.476.643
Kinh phí công đoàn	128.681.783	119.534.165
Bảo hiểm xã hội	-	11.043.969
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.586.619.285	21.642.898.509
- Tiền cổ tức phải nộp Ngân sách Nhà nước-Bộ Tài chính	20.470.947.648	20.470.947.648
- Quỹ Công đoàn	129.004.010	204.674.010
- Công ty Hồng Cơ	266.835.000	266.835.000
- Phải trả các đối tượng khác	719.832.627	700.441.851
b) Dài hạn	-	-

Ghi chú: (i) Khoản cổ tức từ năm 2008 đến năm 2012 phải trả cho chủ sở hữu. Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương gửi Bộ Tài chính và đề xuất của Hội đồng Quản trị Công ty tại Đại hội cổ đông năm 2015, giá trị phải trả cổ tức này được giữ lại để phân bổ lại sau khi hoạt động kinh doanh Công ty có hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn (i)	43.111.018.949	43.111.018.949	162.622.314.367	124.011.835.752	81.721.497.564	81.721.497.564
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây			139.569.956.820	109.040.380.266	69.990.595.503	69.990.595.503
Ngân hàng Nông Nghiệp - CN Sài Gòn	3.650.000.000	-	12.693.631.856	3.286.000.000	9.407.631.856	9.407.631.856
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	1.000.000.000	4.650.000.000	-	-
b) Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	66.282.307.317	66.282.307.317	9.358.725.691	7.035.455.486	2.323.270.205	2.323.270.205
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sài Gòn	66.282.307.317	66.282.307.317	55.704.246.315	16.856.921.142	105.129.632.490	105.129.632.490
Cộng			3.276.965.964	16.856.921.142	52.702.352.139	52.702.352.139
			52.427.280.351	-	52.427.280.351	52.427.280.351
	109.393.326.266	109.393.326.266	218.326.560.682	218.326.560.682	186.851.130.054	186.851.130.054

i. Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn dưới hình thức Hợp đồng tín dụng số 706/2012/HD ngày 11/6/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1071/2016/HD ngày 13/06/2016. Khoản tín dụng này có hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngắn hạn tối đa là 70 tỷ đồng. Công ty chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ với lãi suất từ 7%. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 13/06/2017. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm tài sản cố định vô hình tại Bình Dương và khoản tiền gửi tại ngân hàng trị giá 37,5 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay dài hạn</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (i)	57.997.018.985	57.997.018.985	21.076.480.236	19.971.045	79.053.528.176	79.053.528.176
	57.997.018.985	57.997.018.985	21.076.480.236	19.971.045	79.053.528.176	79.053.528.176
<i>b) Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

(i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 Nhân dân tệ (CNY) để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trực in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3,2% /năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì: Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	66.282.307.317	105.129.632.490
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	57.997.018.985	70.269.802.815
Sau năm năm	-	8.783.725.361
Cộng	124.279.326.302	184.183.160.666
<i>Trích: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>(66.282.307.317)</i>	<i>(105.129.632.490)</i>
Số phải trả sau 12 tháng	57.997.018.985	79.053.528.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> VND	<u>LNST thuế chưa phân phối</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	(173.233.064.363)	21.056.065.637
Lợi nhuận trong năm	-	(778.626.182)	(778.626.182)
Tăng/(giảm) khác	-	353.490.637	353.490.637
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	(173.658.199.908)	20.630.930.092
Lợi nhuận trong năm	-	2.229.398.628	2.229.398.628
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	(171.428.801.280)	22.860.328.720

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vốn góp của Nhà nước - Bộ Công thương	127.943.420.000	127.943.420.000
Các cổ đông khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	194.289.130.000	194.289.130.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	194.289.130.000	194.289.130.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	194.289.130.000	194.289.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> Cổ phiếu	<u>Số đầu năm</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	17.059,34	3.120,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.352.485.489	297.448.704.396
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm	179.256.191.075	277.352.450.246
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.096.294.414	20.096.254.150
Cộng	189.352.485.489	297.448.704.396
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	575.305.382
	189.352.485.489	296.873.399.014

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	178.390.509.487	273.879.069.228
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.459.287.444	10.053.738.014
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.275.197.662)	1.418.516.003
Cộng	188.574.599.269	285.351.323.245

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.492.150.423	19.872.511.581
Chi phí nhân công	8.207.162.845	8.436.715.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.201.913.618	10.540.444.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.110.702.798	6.254.499.261
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng	(13.798.729.256)	(3.153.249.764)
Chi phí khác bằng tiền	3.111.822.041	3.666.643.273
Cộng	30.325.022.469	45.617.564.436

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.609.721.133	1.999.959.441
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.951.504.957
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.074.401.850	15.915.546.420
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.033.423.342	1.118.814.271
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	(783.757.811)	875.739.861
Cộng	18.933.788.514	24.861.564.950

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	13.526.401.222	18.688.072.632
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.248.186.914	829.851.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá	188.676.532	648.832.646
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	924.986.748	6.161.726.842
Cộng	15.888.251.416	26.328.483.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	4.443.857.827	4.800.274.401
Chi phí đồ dùng văn phòng	343.990.276	
Chi phí khấu hao TSCĐ	415.912.466	2.042.403.699
Thuế, phí và lệ phí	935.221.917	352.578.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.561.522.311	2.806.002.453
Các khoản chi phí QLDN khác	1.591.100.452	939.668.799
Cộng	10.291.605.249	10.940.927.669
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.058.715.889	1.074.603.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.861.036.018	1.637.144.305
Các khoản chi phí bán hàng khác	150.370.955	130.884.699
Cộng	4.070.122.862	2.842.632.395
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(13.942.047.597)	(2.748.357.469)
Cộng	(13.942.047.597)	(2.748.357.469)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	2.229.398.628	(778.626.182)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	10.074.401.850	15.915.546.420
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	10.074.401.850	15.915.546.420
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(7.845.003.222)	(16.694.172.602)
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế năm 2016. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trên Báo cáo tài chính của Công ty có khoản lỗ lũy kế là 171.428.801.280 đồng, có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	167.390.345.251	265.904.658.230
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(9.614.325.043)	(7.199.549.380)
Nợ thuần	157.776.020.208	258.705.108.850
Vốn chủ sở hữu	22.860.328.720	20.630.930.092
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	690,2%	1254,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.614.325.043	7.199.549.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.806.667.774	89.749.037.711
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	37.500.000.000
Các khoản ký quỹ	-	125.909.685
Cộng	136.570.992.817	134.574.496.776
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	167.390.345.251	265.904.658.230
Phải trả người bán và phải trả khác	83.388.743.531	71.633.152.772
Chi phí phải trả	18.103.173.082	14.718.045.308
Cộng	268.882.261.864	352.255.856.310

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế, do đó Công ty chưa áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.614.325.043	-	9.614.325.043
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.806.667.774	21.000.000.000	85.806.667.774
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000
Cộng	115.570.992.817	21.000.000.000	136.570.992.817

Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	109.393.326.266	57.997.018.985	167.390.345.251
Phải trả người bán và phải trả khác	83.388.743.531	-	83.388.743.531
Chi phí phải trả	18.103.173.082	-	18.103.173.082
Cộng	210.885.242.879	57.997.018.985	268.882.261.864

Chênh lệch thanh khoản thuần	(95.314.250.062)	(36.997.018.985)	(132.311.269.047)
-------------------------------------	-------------------------	-------------------------	--------------------------

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.199.549.380	-	7.199.549.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.749.037.711	21.000.000.000	89.749.037.711
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.500.000.000	-	37.500.000.000
Các khoản ký quỹ	125.909.685	-	125.909.685
Cộng	113.574.496.776	21.000.000.000	134.574.496.776

Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	186.851.130.054	79.053.528.176	265.904.658.230
Phải trả người bán và phải trả khác	71.633.152.772	-	71.633.152.772
Chi phí phải trả	14.718.045.308	-	14.718.045.308
Cộng	273.202.328.134	79.053.528.176	352.255.856.310

Chênh lệch thanh khoản thuần	(159.627.831.358)	(58.053.528.176)	(217.681.359.534)
-------------------------------------	--------------------------	-------------------------	--------------------------

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao; Tuy nhiên Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán; số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Bà Vũ Thị Minh Thục
Ông Phan Trung Nam
Ông Đỗ Văn Hiếu
Bà Trần Thị Oánh

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Tổng Giám đốc

Ông Phan Trung Nam
Ông Lê Hoàng

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2016)

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Lê Hoàng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Số: 166 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017 từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”)

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản Nợ phải thu, tuy nhiên Công ty chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu Nợ Phải thu của một số đối tượng với giá trị khoảng 47,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận thay thế, tuy nhiên chúng tôi chưa nhận được thư phản hồi; các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư này trên Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty bao gồm lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Youl Chon Vina và Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn chưa được kiểm toán.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Phương

Kiểm toán viên

Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.451.571.297	207.184.991.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.423.766.565	8.069.890.607
1. Tiền	111	5	10.423.766.565	8.069.890.607
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	41.150.000.000	39.000.450.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.150.000.000	39.000.450.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.718.179.619	90.437.104.219
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	79.200.305.590	97.684.855.047
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.383.966.785	1.144.125.787
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.892.381.042	17.045.877.275
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(13.813.076.548)	(25.437.753.890)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.602.750	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	55.500.393.982	62.686.887.304
1. Hàng tồn kho	141		55.643.712.323	64.105.403.307
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143.318.341)	(1.418.516.003)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.659.231.131	6.990.658.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	175.867.492	197.741.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	6.381.954.820	6.680.289.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	101.408.819	112.627.697
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.686.795.537	242.404.749.335
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.286.475.750	21.275.475.750
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		251.475.750	251.475.750
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	21.035.000.000	21.024.000.000
II. Tài sản cố định	220		62.974.671.264	73.196.410.156
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	55.945.276.350	65.935.358.554
- Nguyên giá	222		156.574.746.742	155.474.583.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.629.470.392)	(89.539.225.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.029.394.914	7.261.051.602
- Nguyên giá	228		11.628.490.711	11.628.490.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.599.095.797)	(4.367.439.109)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	339.771.710	173.023.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		339.771.710	173.023.577
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	170.733.079.518	145.096.926.745
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		170.733.079.518	145.096.926.745
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.352.797.295	2.662.913.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.352.797.295	2.662.913.107
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		444.138.366.834	449.589.740.352

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		375.490.517.747	406.593.090.056
I. Nợ ngắn hạn	310		317.493.498.762	327.539.561.880
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	85.049.283.251	72.130.642.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	58.250.100.877	2.083.557.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.275.622.782	10.512.540.126
4. Phải trả người lao động	314		983.237.186	1.200.691.687
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.103.173.082	14.718.045.308
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		91.968.115	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	21.776.555.664	24.728.614.764
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	122.723.339.655	201.789.526.691
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		240.218.150	375.943.153
II. Nợ dài hạn	330		57.997.018.985	79.053.528.176
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	57.997.018.985	79.053.528.176
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.647.849.087	42.996.650.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	68.646.220.188	42.517.661.496
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		199.031.463	199.031.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(125.960.158.364)	(152.088.413.497)
- LNST/(LST) chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(152.088.413.497)	(172.868.643.957)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.128.255.133	20.780.230.460
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		118.217.089	117.913.530
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.628.899	478.988.800
1. Nguồn kinh phí	431		1.628.899	478.988.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		444.138.366.834	449.589.740.352



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		236.034.416.843	448.362.125.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		863.636	576.178.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	236.033.553.207	447.785.947.667
4. Giá vốn hàng bán	11	27	228.624.657.534	418.194.944.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.408.895.673	29.591.003.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	8.987.027.811	23.562.610.294
7. Chi phí tài chính	22	29	15.773.020.871	23.328.288.314
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.280.754.001	21.710.624.226
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		35.543.914.023	14.997.000.202
9. Chi phí bán hàng	25	30	5.598.281.356	6.534.281.601
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	671.251.485	18.889.799.160
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		29.897.283.795	19.398.244.518
12. Thu nhập khác	31		453.962.473	1.554.205.639
13. Chi phí khác	32		1.245.090.566	262.530.347
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(791.128.093)	1.291.675.292
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.106.155.702	20.689.919.810
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		213.165.059	478.622.750
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.892.990.643	20.211.297.060
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		28.883.700.026	20.202.310.001
18.2. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		9.290.617	8.987.059
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.487	1.040



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	330.796.313.283	386.245.579.461
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(207.938.569.512)	(354.204.973.576)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.310.363.231)	(12.176.240.406)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.265.559.968)	(15.399.492.161)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(239.540.641)	(171.059.188)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.518.277.221	9.883.976.965
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.290.027.434)	(47.017.001.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.270.529.718	(32.839.210.667)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.154.273.146)	(1.932.771.261)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	720.136.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.824.672.319)	(17.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.098.524.250
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	37.081.778.824
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.633.342.155	13.663.033.418
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.654.396.690	53.030.701.594
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	158.117.089.932	263.313.349.687
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(254.223.167.214)	(294.156.197.521)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.473.730.000)	(95.795.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(97.579.807.282)	(30.938.643.434)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	2.345.119.126	(10.747.152.507)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.069.890.607	18.824.115.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.756.832	(7.072.292)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.423.766.565	8.069.890.607



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được Cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008, Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 09/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ plastic.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa số 1

Các công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Số Một
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Trường An
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam

Các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
- Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA
- Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2015, Công ty đã thoái vốn tại công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long, theo đó, số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm nay không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các công ty con này.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và báo cáo tài chính của 04 (bốn) Công ty con độc lập. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với các Công ty con, giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm:

STT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	99,52%	99,52%
2	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số một	100%	100%
3	Công Ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	100%	100%
4	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	100%	100%
	Công ty liên kết, liên doanh		
1	Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	20,69%	20,69%
2	Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	30,00%	30,00%
3	Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem	27,51%	50,00%
4	Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	15,00%	33,33%

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ bằng phần mềm trên máy vi tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 37
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	428.276.105	2.222.468.232
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.995.490.460	5.847.422.375
Cộng	10.423.766.565	8.069.890.607

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000	39.000.450.000	-	39.000.450.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000	39.000.450.000	-	39.000.450.000
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	164.954.480.594	-	170.733.079.518	164.954.480.594	-	145.096.926.745
Công ty CP Youl Chon Vina	43.008.000.000	-	43.008.000.000	43.008.000.000	-	43.008.000.000
Công ty CP Nhựa Văn Đồn	16.961.554.628	-	16.961.554.628	16.961.554.628	-	16.961.554.628
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.279.075.966	-	15.279.075.966	15.279.075.966	-	15.279.075.966
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	89.705.850.000	-	89.705.850.000	89.705.850.000	-	89.705.850.000
Thay đổi giá trị thuần	-	-	5.778.598.924	-	-	(19.857.553.849)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Yout Chon Vina	T. Bình Dương	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa Plastic
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Tp. Hà Nội	20,69%	20,69%	Sản xuất sản phẩm nhựa Plastic
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Tp. Hồ Chí Minh	27,51%	27,51%	Sản xuất hạt nhựa PVC
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	Tp. Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	Sản xuất hạt nhựa PVC

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	79.200.305.590	97.684.855.047
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	40.626.613.779	38.591.022.126
Công ty CP Nhựa Thăng Long	7.166.735.782	5.983.720.290
Công ty CP Công nghệ Cấp quang & Thiết bị Bưu điện	4.259.133.019	4.259.133.019
Công ty TNHH In và Sản xuất Bao Bì Đức Mỹ	3.123.862.465	3.128.875.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Giang Sơn	153.812.501	4.638.912.501
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Hai mươi Sáu tháng Tư	-	14.056.506.901
Chi nhánh 2 - Công ty TNHH Việt Ý	1.310.849.842	1.310.849.842
Công ty TNHH Anh Đạt	1.462.469.388	1.462.469.388
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	825.000.000	1.803.760.000
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Các đối tượng khác	17.601.858.396	19.779.635.562
Trong đó:		
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	41.744.515.179	41.088.343.623
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	40.626.613.779	38.591.022.126
Công ty CP Yout Chon Vina	292.901.400	693.561.497
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	825.000.000	1.803.760.000

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.383.966.785	1.144.125.787
Suzhou Jwell Machinery Co.,Ltd	1.750.320.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Cơ khí Minh Huy	-	176.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Dịch vụ ASC	534.234.640	-
Các khách hàng khác	1.099.412.145	968.125.787
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	3.892.381.042	1.279.088.628	17.045.877.275	1.120.115.110
Ký cược, ký quỹ	-	-	429.311.609	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	499.932.000	-	12.637.754.812	-
Phải thu Tạm ứng của nhân viên	834.033.528	-	1.687.675.702	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	6.400.904	-	-	-
Phải thu khác	2.552.014.610	1.279.088.628	2.291.135.152	1.120.115.110
b) Dài hạn	21.035.000.000	-	21.024.000.000	-
- Phải thu về góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nhựa Thăng Long	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	24.000.000	-
Cộng	24.927.381.042	1.279.088.628	38.069.877.275	1.120.115.110
Trong đó:				
c) Phải thu khác là bên liên quan	499.932.000	-	12.637.754.812	-
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	-	-	12.637.754.812	-
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	499.932.000	-	-	-

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
CN 2 - Công ty TNHH Việt Ý	1.310.849.842	393.254.952	1.310.849.842	655.424.921
Công ty TNHH TM Mai Khang Hưng	737.450.240	368.725.120	1.067.450.240	747.215.168
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	7.248.859.337	3.986.565.878	38.591.022.126	21.223.544.513
Công ty TNHH Hợp Phát	2.669.970.418	-	2.669.970.418	-
Công ty CP Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu Điện	4.259.133.019	1.277.739.906	4.259.133.019	2.129.566.510
Các đối tượng khác	4.743.824.857	1.130.725.309	3.495.407.644	1.200.328.287
Cộng	20.970.087.713	7.157.011.165	51.393.833.289	25.956.079.399

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	2.662.327.800	-	2.287.726.019	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.523.093.554	-	18.903.478.775	-
Công cụ, dụng cụ	1.315.000	-	4.699.594	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.203.295	-	5.140.000	-
Thành phẩm	13.711.236.961	-	13.040.949.692	(300.019.283)
Hàng hóa	24.526.535.713	(143.318.341)	29.863.409.227	(1.118.496.720)
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	55.643.712.323	(143.318.341)	64.105.403.307	(1.418.516.003)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm là do trong kỳ Công ty đã tiêu thụ được số thành phẩm và hàng hóa đã trích lập dự phòng tại 31/12/2015 nên điều chỉnh giảm giá trị dự phòng đã trích lập tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	175.867.492	197.741.772
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.472.869	185.741.772
Các khoản khác	154.394.623	12.000.000
b) Dài hạn	2.352.797.295	2.662.913.107
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	2.261.771.719	2.323.960.303
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	20.603.472	201.581.321
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.668.875	110.634.812
Các khoản khác	68.753.229	26.736.671

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày đầu năm	45.302.893.199	105.352.799.595	3.622.685.093	1.196.205.709	155.474.583.596
Mua trong năm	857.273.146	297.000.000	-	-	1.154.273.146
Thanh lý, nhượng bán	(54.110.000)	-	-	-	(54.110.000)
Tại ngày cuối năm	46.106.056.345	105.649.799.595	3.622.685.093	1.196.205.709	156.574.746.742
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm	12.597.798.104	73.192.676.639	2.711.367.806	1.037.382.493	89.539.225.042
Khấu hao trong năm	1.941.356.522	8.826.098.803	292.355.969	84.544.056	11.144.355.350
Thanh lý, nhượng bán	(54.110.000)	-	-	-	(54.110.000)
Tại ngày cuối năm	14.485.044.626	82.018.775.442	3.003.723.775	1.121.926.549	100.629.470.392
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	32.705.095.095	32.160.122.956	911.317.287	158.823.216	65.935.358.554
Tại ngày cuối năm	31.621.011.719	23.631.024.153	618.961.318	74.279.160	55.945.276.350

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2016 là 47.126.419.521 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 56.861.436.885 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.974.804.300 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.569.164.124 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày đầu năm	11.218.360.591	410.130.120	11.628.490.711
- Giảm khác			-
Tại ngày cuối năm	11.218.360.591	410.130.120	11.628.490.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày đầu năm	4.172.128.592	195.310.517	4.367.439.109
Khấu hao trong năm	190.475.568	41.181.120	231.656.688
- Tăng khác			-
Tại ngày cuối năm	4.362.604.160	236.491.637	4.599.095.797
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.046.231.999	214.819.603	7.261.051.602
Tại ngày cuối năm	6.855.756.431	173.638.483	7.029.394.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22: Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.855.756.431 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.046.231.999 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất đã ký với ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.679.590.120 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.646.960.000 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	339.771.710	339.771.710	173.023.577	173.023.577
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	339.771.710	339.771.710	173.023.577	173.023.577
<i>Trong đó:</i>				
Dự án đầu tư, nâng cấp tài sản cố định	339.771.710	339.771.710	173.023.577	173.023.577

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>	85.049.283.251	85.049.283.251	72.130.642.176	72.130.642.176
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Branch Mitsubishi Corporation Singapore	27.012.018.425	27.012.018.425	2.878.583.400	2.878.583.400
Intraco Trading PTE., Ltd	6.709.404.488	6.709.404.488	5.835.267.900	5.835.267.900
Công ty TNHH Hưng Nghiệp FORMOSA	1.787.393.378	1.787.393.378	2.132.534.868	2.132.534.868
Công ty Cổ Phần Nhựa Thăng Long	-	-	845.075.000	845.075.000
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	-	-	9.084.627.707	9.084.627.707
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	1.190.578.200	1.190.578.200	3.464.523.200	3.464.523.200
Covestro (Hong Kong) Limited	802.208.000	802.208.000	-	-
Vinomig Singapore PTE., Ltd	4.168.347.975	4.168.347.975	-	-
Asia Focus IND., Ltd	2.346.458.400	2.346.458.400	-	-
Victory International Venture PTE., Ltd	2.583.360.450	2.583.360.450	-	-
Các đối tượng khác	2.601.551.119	2.601.551.119	12.747.464.202	12.747.464.202
<i>Trong đó:</i>				
<i>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	37.092.339.273	37.092.339.273	36.333.144.099	36.333.144.099
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	1.190.578.200	1.190.578.200	-	-
Các đối tượng khác	53.798.257	53.798.257	1.190.578.200	1.190.578.200
<i>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	35.847.962.816	35.847.962.816	44.227.193.606	44.227.193.606
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	-	-	9.084.627.707	9.084.627.707

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	58.250.100.877	2.083.557.975
Công ty TNHH Tài Tâm	57.369.659.457	-
Trần Thị Thanh Huyền	420.000.000	300.000.000
Hộ Kinh Doanh Thái Thành	255.000.000	255.000.000
Các đối tượng khác	205.441.420	1.528.557.975
<i>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	325.654.188	2.185.655.325	2.416.213.920	95.095.593
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	258.622.445	258.622.445	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.840.476	229.337.972	239.540.641	66.637.807
Thuế thu nhập cá nhân	120.629.253	268.005.051	261.661.131	126.973.173
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	892.504.710	892.504.710	-
Các loại thuế khác	2.500.000	13.500.000	16.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.986.916.209	481.112	481.112	9.986.916.209
Cộng	10.512.540.126	3.848.106.615	4.085.023.959	10.275.622.782
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	6.680.289.418	317.772.337	19.437.739	6.381.954.820
Thuế xuất, nhập khẩu	11.218.878	11.218.878	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.058.736	-	-	101.058.736
Các loại thuế khác	350.083	-	-	350.083
Cộng	6.792.917.115	328.991.215	19.437.739	6.483.363.639

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.103.173.082	14.718.045.308
Trích trước chi phí lãi tiền vay	17.960.347.582	14.718.045.308
Chi phí trích trước khác	142.825.500	-
b) Dài hạn	-	-

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.776.555.664	24.728.614.764
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	181.036.379	119.534.165
Bảo hiểm xã hội	-	11.043.969
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.595.519.285	24.598.036.630
- Tiền cổ tức phải nộp Ngân sách Nhà nước-Bộ Tài chính	20.470.947.648	20.470.947.648
- Phải trả các đối tượng khác	1.124.571.637	4.127.088.982
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Sài Gòn (BIDV) (i)	56.441.032.338	56.441.032.338	198.539.426.117	158.320.564.254	96.659.894.201	96.659.894.201
	39.461.018.949	39.461.018.949	139.569.956.820	109.040.380.266	69.990.595.503	69.990.595.503
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây	-	-	12.693.631.856	3.286.000.000	9.407.631.856	9.407.631.856
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Việt Nam - CN Chợ Lớn	3.650.000.000	3.650.000.000	1.000.000.000	4.650.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (ii)	13.330.013.389	13.330.013.389	35.917.111.750	34.308.728.502	14.938.396.637	14.938.396.637
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	9.358.725.691	7.035.455.486	2.323.270.205	2.323.270.205
b) Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	66.282.307.317	66.282.307.317	55.704.246.315	16.856.921.142	105.129.632.490	105.129.632.490
	66.282.307.317	66.282.307.317	3.276.965.964	16.856.921.142	52.702.352.139	52.702.352.139
Ngân hàng Nông Nghiệp-CN Sài Gòn	-	-	52.427.280.351	-	52.427.280.351	52.427.280.351

Ghi chú:

i. Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn dưới hình thức Hợp đồng tín dụng số 706/2012/HD ngày 11/6/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1071/2016/HD ngày 13/06/2016. Khoản tín dụng này có hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngắn hạn tối đa là 70 tỷ đồng. Công ty chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ với lãi suất từ 7%. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 13/06/2017. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm tài sản cố định vô hình tại Bình Dương và khoản tiền gửi tại ngân hàng trị giá 37,5 tỷ đồng.

ii. Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 013A16/BBĐ ngày 29/01/2016; Hạn mức 20 tỷ đồng; Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày nhận nợ; Mục đích bổ sung vốn lưu động; Lãi suất 7%/năm và được điều chỉnh theo từng khế ước vay; Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	57.997.018.985	57.997.018.985	21.076.480.236	19.971.045	79.053.528.176	79.053.528.176
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	57.997.018.985	57.997.018.985	21.076.480.236	19.971.045	79.053.528.176	79.053.528.176

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 CNY để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trực in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3.2%/năm tính trên dư nợ vay. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì: (i) Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); (ii) Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; (iii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	66.282.307.317	105.129.632.490
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	57.997.018.985	70.269.802.815
Sau năm năm	-	8.783.725.361
Cộng	124.279.326.302	184.183.160.666
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	66.282.307.317	105.129.632.490
Số phải trả sau 12 tháng	57.997.018.985	79.053.528.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	199.031.463	(169.482.162.373)	25.005.999.090
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.211.297.060	21.211.297.060
Phân phối lợi nhuận	-	-	(458.929.805)	(458.929.805)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(3.358.618.379)	(3.358.618.379)
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	199.031.463	(152.088.413.497)	42.399.747.966
Lợi nhuận trong năm	-	-	28.883.700.026	28.883.700.026
Thù lao Ban điều hành	-	-	(114.000.000)	(114.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(292.399.678)	(292.399.678)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(2.349.045.215)	(2.349.045.215)
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	199.031.463	(125.960.158.364)	68.528.003.099

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	127.943.420.000	127.943.420.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	194.289.130.000	194.289.130.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		-
- Vốn góp đầu năm	194.289.130.000	194.289.130.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	194.289.130.000	194.289.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	19.470,44	3.372,25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại các sản phẩm nhựa plastic, các hoạt động khác chiếm tỷ lệ không đáng kể (dưới 10%), do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty phân chia khu vực địa lý để quản lý hoạt động theo 03 Miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Tuy nhiên, hoạt động trong kỳ của Công ty chủ yếu tại Khu vực các tỉnh Miền Nam, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.034.416.843	448.362.125.776
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá	179.761.291.887	343.808.952.492
- Doanh thu bán thành phẩm	49.092.062.771	89.047.911.626
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.181.062.185	15.505.261.658
Cộng	236.034.416.843	448.362.125.776
	Năm nay	Năm trước
Các khoản giảm trừ doanh thu	863.636	576.178.109
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	519.900.000
- Hàng bán bị trả lại	863.636	56.278.109

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	218.248.421.566	411.313.683.045
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.651.433.630	5.462.745.522
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.275.197.662)	1.418.516.003
Cộng	228.624.657.534	418.194.944.570

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.940.888.445	2.075.771.650
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.951.504.957
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	14.631.637.020
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.033.423.342	1.128.095.952
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	12.716.024	710.127.083
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	65.473.632
Cộng	8.987.027.811	23.562.610.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.280.754.001	21.710.624.226
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.248.186.914	664.238.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá	244.002.050	910.866.923
Chi phí tài chính khác	77.906	42.558.902
Cộng	15.773.020.871	23.328.288.314

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	6.139.963.206	9.589.218.018
Chi phí đồ dùng văn phòng	418.158.722	373.863.346
Chi phí khấu hao TSCĐ	596.575.502	2.234.702.790
Thuế, phí và lệ phí	940.703.029	690.040.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.516.034.536	3.968.113.560
Các khoản chi phí QLDN khác	1.748.678.784	3.006.175.669
Cộng	13.360.113.779	19.862.113.695
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí tiền điện		-
Chi phí nhân viên	1.629.300.006	2.012.235.139
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.793.873	14.975.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.477.856	80.179.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.718.490.563	2.501.711.094
Chi phí thuê nhà, thuê kho	-	77.373.505
Chi phí vận chuyển	144.136.030	517.613.250
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.043.083.028	1.330.193.337
Cộng	5.598.281.356	6.534.281.601
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(12.688.862.294)	(972.314.535)
Cộng	(12.688.862.294)	(972.314.535)

31. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.883.700.026	20.202.310.001
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.428.913	19.428.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.487	1.040
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	180.720.358.640	280.843.054.867
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.423.766.565)	(8.069.890.607)
Nợ thuần	170.296.592.075	272.773.164.260
Vốn chủ sở hữu	68.646.220.188	42.517.661.496
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	248,1%	641,6%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.423.766.565	8.069.890.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.474.175.652	108.629.302.730
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	39.000.450.000
Các khoản ký quỹ	35.000.000	453.311.609
Cộng	141.082.942.217	156.152.954.946
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	180.720.358.640	280.843.054.867
Phải trả người bán và phải trả khác	86.173.854.888	76.257.731.158
Chi phí phải trả	18.103.173.082	14.718.045.308
Cộng	284.997.386.610	371.818.831.333

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế, do đó Công ty chưa áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.423.766.565	-	10.423.766.565
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.605.142.124	21.035.000.000	88.640.142.124
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000
Các khoản ký quỹ	-	35.000.000	35.000.000
Cộng	119.178.908.689	21.070.000.000	140.248.908.689
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	122.723.339.655	57.997.018.985	180.720.358.640
Phải trả người bán và phải trả khác	86.173.854.888	-	86.173.854.888
Chi phí phải trả	18.103.173.082	-	18.103.173.082
Cộng	227.000.367.625	57.997.018.985	284.997.386.610
Chênh lệch thanh khoản thuần	(107.821.458.936)	(36.927.018.985)	(144.748.477.921)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.069.890.607	-	8.069.890.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.917.627.028	21.024.000.000	106.941.627.028
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.000.450.000	-	39.000.450.000
Các khoản ký quỹ	429.311.609	24.000.000	453.311.609
Cộng	133.417.279.244	21.048.000.000	154.465.279.244
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	201.789.526.691	79.053.528.176	280.843.054.867
Phải trả người bán và phải trả khác	76.257.731.158	-	76.257.731.158
Chi phí phải trả	14.718.045.308	-	14.718.045.308
Cộng	292.765.303.157	79.053.528.176	371.818.831.333
Chênh lệch thanh khoản thuần	(159.348.023.913)	(58.005.528.176)	(217.353.552.089)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Bộ Công thương
Công ty CP Nhựa Vân Đồn
Công ty CP Yout Chon Vina
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa và Hoá chất TPC Vina
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn - Ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Công ty liên doanh
Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

Ngoài khoản phải thu của bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh - Phải thu của khách hàng và khoản phải trả bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh - Phải trả người bán, Thuyết minh - Phải thu khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng	33.576.420.898	38.532.467.500
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	32.826.420.898	38.532.467.500
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	750.000.000	-
Mua hàng	33.372.216.364	62.774.165.806
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	33.224.170.909	62.774.165.806
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Nhựa Trường An	148.045.455	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	480.973.500	403.614.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	274.800.000	307.200.000
Cộng	755.773.500	710.814.000

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán; số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017


Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng


Trần Thị Phụng
Người lập biểu